

Bản án số: **49/2022/HNGĐ-ST**

Ngày 27/9/2022

“V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K - TỈNH NINH BÌNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Hoàng Ngọc Hưng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Đức Bính

Ông Vũ Xuân Dự

Thư ký phiên tòa: ông Phạm Văn Thành - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa: ông Ninh Trọng Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 27/9/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 164/2022/TLST-HNGĐ ngày 05/7/2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/8/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2022/QĐST-DS ngày 07/9/2022 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1989; nơi cư trú: thôn H, xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình.

- **Bị đơn:** anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1984; nơi cư trú: Xóm 2, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa: Có mặt chị D, vắng mặt anh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu khác có trong hồ sơ và tại phiên tòa chị Nguyễn Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị (Nguyễn Thị D) kết hôn với anh Nguyễn Văn H trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 20/8/2008 tại UBND xã K, huyện K (là quê anh H). Sau đăng ký kết hôn vợ chồng sống cùng gia đình nhà chồng tại xã K, huyện K, quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc được một

thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm về phương thức làm ăn kinh tế, mặt khác vợ chồng khác biệt nhau về phong tục tập quán. Do đó, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau và đã nhiều lần xảy ra xô sát, chị D đã nhiều lần khuyên bảo, góp ý, tác động gia đình góp ý với anh H, nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không cải thiện được. Do không thể tiếp tục chung sống, nên từ năm 2020 chị D đã chuyển khẩu từ xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình về sinh sống cùng gia đình nhà chị tại thôn H, xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình và vợ chồng chính thức sống ly thân nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

Về con chung: chị D xác nhận vợ chồng anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Tuấn H1, sinh ngày 02/3/2009 và cháu Nguyễn Thu P, sinh ngày 17/01/2017. Hiện nay cháu H1 đang ở với chị D tại thôn H, xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình; còn cháu P đang ở cùng anh H tại xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Khi ly hôn chị D có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu H1, đề nghị anh H trực tiếp nuôi dưỡng cháu P. Hai bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản và nợ chung: chị D xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn trong vụ án là anh Nguyễn Văn H, nơi cư trú tại xóm 2, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện K đã giao Thông báo về việc thụ lý vụ án, giao các tài liệu, chứng cứ theo đề nghị của nguyên đơn, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự cho anh H, nhưng anh H không ý kiến gì.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã xác minh:

Chính quyền địa phương xã K, huyện K cung cấp: anh Nguyễn Văn H là công dân của địa phương và hiện đang sinh sống tại Xóm 2, xã K, huyện K; còn chị Nguyễn Thị D trước đây có hộ khẩu thường trú tại Xóm 2, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình, nhưng thời gian gần đây chị D đã làm thủ tục chuyển khẩu về quê ở xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình. Anh H, chị D có đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện K vào ngày 20/8/2008, sau khi kết hôn anh chị ấy sống tại xã K. Qua nắm bắt tình hình cơ sở thì địa phương được biết vợ chồng anh chị ấy có xảy ra mâu thuẫn, nguyên

nhân do bất đồng quan điểm trong làm ăn kinh tế gia đình và bất đồng về phong tục tập quán của mỗi địa phương, cũng như về tôn giáo, vì vậy vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, đánh nhau. Vì nhiều lý do khác nhau nên chị D đã cắt, chuyển khẩu về huyện H, tỉnh Thái Bình sinh sống và sống ly thân với anh H từ năm 2020 cho đến nay. Về con chung: anh H, chị D có 02 con chung là cháu Nguyễn Tuấn H1, sinh tháng 03/2009 và cháu Nguyễn Thu P, sinh tháng 01/2017. Hiện nay cháu H1 đang ở với chị D tại xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình; còn cháu P đang ở cùng anh H tại xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Về công việc: cả anh H, chị D đều là lao động tự do, mặt khác chị D chuyển về Thái Bình sinh sống nên thu nhập của anh chị ấy như nào chính quyền địa phương không nắm được.

Ông Nguyễn Văn K1 - bố đẻ anh H cung cấp: anh H là con trai ông, có kết hôn với chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1989; nơi cư trú: thôn H, xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình. Sau khi anh, chị ấy kết hôn thì vợ chồng anh chị ấy sống cùng gia đình nhà ông tại xóm 2, xã K, huyện K. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng đến khoảng năm 2018 vợ chồng D - H cũng có xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong làm ăn kinh tế dẫn đến cãi chửi nhau, đánh nhau, gia đình đã động viên khuyên bảo nhiều lần nhưng không thành. Đầu năm 2020, chị D đưa cháu H1 về Thái Bình sinh sống và chuyển khẩu luôn về Thái Bình, vợ chồng anh chị ấy sống ly thân nhau từ đó cho đến nay; còn anh H và cháu P vẫn sinh sống tại Xóm 2, xã K. Tòa án đã nhiều lần đến giao các văn bản, nhưng do tự ái nên anh H không nhận văn bản của Tòa án, ông là bố đẻ anh H xin nhận thay và đã giao lại toàn bộ cho anh H, vì lý do cá nhân nên anh H không muốn gặp mặt chị D, anh H cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn và nhất trí ly hôn chị D. Về con chung: anh H, chị D có 2 con chung là cháu Nguyễn Tuấn H1, sinh ngày 02/3/2009 và cháu Nguyễn Thu P, sinh ngày 17/01/2017. Từ khi vợ chồng sống ly thân cháu H ở với chị D, còn cháu P ở với anh H, nguyện vọng anh H là muốn tiếp tục nuôi dưỡng cháu P, để chị D nuôi dưỡng cháu H1. Bản thân ông đã động viên anh H đến Tòa án làm việc để trình bày ý kiến, quan điểm của mình, nhưng do không muốn gặp mặt chị D nên không đến Tòa án làm việc, đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh H.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát phát biểu về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký tòa án, Hội đồng xét xử (HĐXX) đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền, nghĩa vụ của mình; bị đơn không

thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền, nghĩa vụ của mình. Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Xử cho chị D ly hôn anh H. Giao con chung là cháu Nguyễn Tuấn H1, sinh ngày 02/3/2009 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Nguyễn Thu P, sinh ngày 17/01/2017 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh H, chị D không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau, các bên có quyền thăm nom con chung. Về án phí: chị D phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu có tại hồ sơ cũng như kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: đây là quan hệ tranh chấp về “Hôn nhân và gia đình” quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1984; nơi ĐKKHKT và hiện cư trú tại: Xóm 2, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện K đã tổng đạt giấy triệu tập, quyết định đưa vụ án ra xét xử và các văn bản tố tụng khác theo quy định của pháp luật cho các bên đương sự. Tuy nhiên, tại phiên tòa lần thứ nhất vào ngày 07/9/2022 anh Nguyễn Văn H là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, nên Hội đồng xét xử đã quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa lần thứ hai ngày 27/9/2022 Tòa án đã tổng đạt hợp lệ quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh Nguyễn Văn H vẫn tiếp tục vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Văn H theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được tự do tìm hiểu, không bị ai lừa dối hay ép buộc và có đăng ký kết hôn ngày 20/8/2008 tại UBND xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và Gia đình, thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ,

thực hiện các công việc trong gia đình, nhưng giữa anh H và chị D không tôn trọng nhau trong cuộc sống. Quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong sinh hoạt và trong làm ăn kinh tế, bất đồng về tôn giáo, cũng như về việc vợ chồng cư trú ở đâu cho thuận tiện sinh hoạt, dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau và đã sống ly thân nhau từ nhiều năm nay.

Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù anh H đang có mặt tại nơi cư trú xóm 2, xã K và anh H đã nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án cùng các văn bản tố tụng của Tòa án, biết rõ việc Tòa án nhân dân huyện K đang giải quyết vụ án ly hôn giữa chị D với anh, nhưng anh H không hợp tác, không đến Tòa án làm việc, không có văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị D. Tòa án cùng chính quyền địa phương đến gia đình nhà anh H làm việc, anh H nêu lý do anh là người theo đạo Công giáo nên không được phép ly hôn, không ký nhận văn bản, việc chị D xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, anh không có ý kiến gì. Như vậy, giữa anh H và chị D không có biện pháp nào để cải thiện đời sống chung của vợ chồng, anh H không có thiện chí hòa giải, có ý bỏ mặc, không quan tâm, không có biện pháp khắc phục mâu thuẫn vợ chồng, hiện nay vợ chồng vẫn sống ly thân. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Hội đồng xét xử xét thấy, cần áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình xử cho chị Nguyễn Thị D được ly hôn anh Nguyễn Văn H là phù hợp.

[3] Về con chung: chị D, anh H có 02 con chung là cháu Nguyễn Tuấn H1, sinh ngày 02/3/2009 và cháu Nguyễn Thu P, sinh ngày 17/01/2017. Hiện nay cháu H1 đang ở với chị D tại thôn H, xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình; còn cháu P đang ở cùng anh H tại xóm 2, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Chị D có nguyện vọng xin được tiếp tục nuôi dưỡng cháu H1, đề nghị anh H tiếp tục nuôi dưỡng cháu P, không bên nào phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Ý kiến cháu H có nguyện vọng xin được tiếp tục ở với chị D.

Hội đồng xét xử xét thấy, cần chấp nhận đề nghị của chị D, giao chị D trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Tuấn H1, sinh ngày 02/3/2009; giao anh H trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Thu P, sinh ngày 17/01/2017, không

bên nào phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau như sự tự nguyện của chị D và nguyện vọng của cháu H1 là phù hợp.

[4] Về tài sản và nợ chung: chị D xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có khoản nợ nào chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; còn anh H không có ý kiến gì. Vì vậy, HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: chị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Văn H.
2. Về nuôi con chung: giao con chung là cháu Nguyễn Tuấn H1, sinh ngày 02/3/2009 cho chị Nguyễn Thị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu H1 đủ 18 tuổi; giao con chung là cháu Nguyễn Thu P, sinh ngày 17/01/2017 cho chị Nguyễn Văn H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi. Chị D, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Chị D, anh H có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở và không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người trực tiếp nuôi con. Khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí: chị Nguyễn Thị D phải nộp 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0004602 ngày 05/7/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K; chị D đã nộp đủ.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh NB;
- VKS huyện K;
- THADS huyện K;
- UBND xã K;
- Các đường sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Hoàng Ngọc Hưng